

Số: 40/ĐA-CĐSPТУ

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2022

ĐỀ ÁN

Tuyển sinh trình độ cao đẳng, ngành Giáo dục mầm non và các ngành thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp, năm 2022

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở và địa chỉ trang web

a) Tên trường

Trường Cao đẳng Sư phạm Nhà trẻ - Mẫu giáo Trung ương I được thành lập theo Nghị định số 93/HĐBT ngày 28 tháng 5 năm 1988 của Chính phủ, trên cơ sở sát nhập, hợp nhất Trường Sư phạm mẫu giáo Trung ương (thành lập năm 1963) và Trường Trung cấp nuôi dạy trẻ trung ương (thành lập năm 1972).

Ngày 26 tháng 01 năm 2006, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 509/QĐ-BGDĐT đổi tên Trường Cao đẳng Sư phạm Nhà trẻ - Mẫu giáo Trung ương I thành Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương.

b) Sứ mạng, mục tiêu và tầm nhìn

- Sứ mạng: Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu thực tiễn xã hội và hội nhập quốc tế. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế được xây dựng trên cơ sở đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp dạy học linh hoạt, phù hợp và thuận lợi nhất cho người học.

- Mục tiêu tổng quát: Đào tạo nguồn nhân lực có năng lực đáp ứng tốt yêu cầu vị trí việc làm theo chuẩn chức danh nghề nghiệp; có khả năng thích ứng với xu thế của thị trường lao động, nhu cầu phát triển của kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế.

- Tầm nhìn: Phấn đấu đến năm 2030, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực ngành Giáo dục mầm non và các ngành thuộc hệ thống Giáo dục nghề nghiệp có uy tín, chất lượng theo tiêu chuẩn của các nước trong khu vực. Đến năm 2035 trở thành cơ sở giáo dục Đại học.

c) Địa chỉ

Trường có trụ sở chính tại số 387 đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, Trường có 3 trường Mầm non thực hành, là cơ sở thực hành, thực tập dành cho sinh viên các ngành sư phạm:

- Trường Mầm non Thực hành Hoa Thủy Tiên: 387 đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội;

- Trường Mầm non Thực nghiệm Hoa Hồng: số 111 Vĩnh Hồ, Quận Ba Đình, Hà Nội;

- Trường Mầm non Thực hành Hoa Sen: Khu D Giảng Võ, Quận Ba

Đình, Hà Nội.

Trường có 4 Trung tâm: Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, Trung tâm Nghiên cứu thiết bị dạy học và Học liệu cho trẻ MN và trẻ khuyết tật, Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng kiến thức, Trung tâm thông tin thư viện.

d) Địa chỉ trang thông tin điện tử: www.cdsptw.edu.vn

2. Quy mô đào tạo chính qui đến 31/12/2021

Stt	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Quy mô theo khối ngành đào tạo							Tổng
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII	
I.	Chính quy								
1	Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non	3059							3059
1.1	Chính quy								
1.2	Liên thông từ TC lên Cao đẳng	458							458
1.3	Đào tạo trình độ CD đối với người đã có bằng CD	0							0
2	Các ngành GDNN		29			23		106	158
II	Vừa làm vừa học								0

3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

a) Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

- Đối với ngành GDMN

Năm 2020 và 2021: Trường tuyển sinh kết hợp 2 phương thức:

+ Phương thức 1: Xét tuyển căn cứ kết quả của thi THPT Quốc gia kết hợp với thi tuyển năng khiếu.

+ Phương thức 2: Xét tuyển căn cứ kết quả học tập ở bậc THPT kết hợp với thi tuyển năng khiếu.

- Đối với các ngành GDNN

b) Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

- Đối với ngành GDMN

Khối ngành/ngành/nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh 2020			Năm tuyển sinh 2021		
	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
+ Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 THPT kết hợp thi tuyển	1400	713	16,5	896	751	16.0
+ Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 kết hợp thi tuyển	1410	248	19,5	897	550	17.0
Tổng	2810	961		1793	1301	

- Đối với các ngành GDNN

Khối ngành/ngành/nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh 2020			Năm tuyển sinh 2021		
	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
- Tiếng Anh	80	9		50	44	15
- Thiết kế đồ họa	50	0		50	29	15
- Công nghệ thông tin	50	0		50	23	15
- Quản trị văn phòng	50	12		50	21	15
- Công tác xã hội	70	8		50	12	15
Tổng	300	29		300	129	

II. THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

a) Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Tổng diện tích đất của toàn trường: 26.351,6 m²

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 700 chỗ ở

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy:

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	165	8773
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	1160
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	5	510
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	65	2643
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	4	100
1.5	Số phòng học đa phương tiện	17	1341
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	72	3019
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	2	838
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	19	1385
	Tổng	186	10.996

b) Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Các trang thiết bị chính
1.	04 Phòng thực hành tin học	170 máy tính, 05 máy chiếu, kết nối mạng LAN và Internet
2.	Phòng thực hành Giáo dục Mầm non	Đồ dùng dạy học ngành Giáo dục Mầm non
3.	10 Phòng thực hành can thiệp với trẻ khuyết tật trí tuệ và tự kỷ tại Trung tâm Hỗ trợ phát	Máy tính, máy chiếu, trang thiết bị dạy học

TT	Tên	Các trang thiết bị chính
	triển Giáo dục Đặc biệt	dành cho trẻ khuyết tật
4.	02 Phòng thực hành Montessori	Các trang thiết bị phục vụ dạy học ngành Giáo dục Mầm non theo phương pháp Montessori
5.	02 Phòng Múa	Trang thiết bị phục vụ dạy học môn Âm nhạc và Múa
6.	03 Phòng thực hành Mỹ thuật	Dụng cụ vẽ, sản phẩm trưng bày của sinh viên các khóa
7.	04 Phòng thực hành Âm nhạc	Đàn organ, Piano, thiết bị AT
8.	Các phòng thực hành, thực tập sư phạm tại 03 trường Mầm non thực hành	Máy tính, Máy chiếu, các đồ dùng dạy học tại trường Mầm non
9.	Phòng thực hành Dinh dưỡng	Các trang thiết bị thực thành Dinh dưỡng (Bếp, nồi nấu...)

c) Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo...sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng
1	Ngành Giáo dục Mầm non	
	- Sách giáo trình	18.800
	- Sách tham khảo	2.070
	- Đề tài, luận văn, luận án	341
	- Tạp chí, thông tin khoa học	282
	- Băng đĩa	142
2	Các ngành thuộc hệ thống Giáo dục nghề nghiệp	1012

d) Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh - trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục Mầm non. (Xem phụ lục 01 kèm theo).

đ) Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục Mầm non (Không có).

III. CÁC THÔNG TIN TUYỂN SINH CỦA NĂM 2022

1. Đối tượng tuyển sinh

- Học sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính qui hoặc giáo dục thường xuyên).

- Các thí sinh thuộc diện được tuyển thẳng cần làm hồ sơ xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Phạm vi tuyển sinh

Tuyển sinh trên phạm vi cả nước.

3. Phương thức tuyển sinh

Năm 2022, Trường thực hiện tuyển sinh theo 2 phương thức:

- **Phương thức 1:** Xét tuyển căn cứ trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022 (Đối với ngành Giáo dục mầm non là điểm môn Ngữ Văn hoặc môn Toán và điểm thi 02 môn năng khiếu do Trường tổ chức, mỗi môn năng khiếu từ 5,00 trở lên).

- **Phương thức 2:** Xét tuyển căn cứ trên kết quả học tập (học bạ) THPT từ năm 2022 trở về trước, cụ thể như sau:

+ Đối với các ngành: Giáo dục mầm non xét tuyển từ kết quả học tập môn Ngữ Văn hoặc môn Toán của học kỳ 1 lớp 12 và điểm thi 02 môn năng khiếu do Trường tổ chức và mỗi môn năng khiếu từ 5,00 trở lên.

+ Đối với các ngành: Thiết kế đồ họa, Thiết kế thời trang, Tiếng Anh, Công nghệ thông tin, Quản lý văn hóa, Công tác xã hội, Hướng dẫn du lịch, Quản trị văn phòng, Lưu trữ học, Thư ký văn phòng xét tuyển từ kết quả học tập học kỳ 1 lớp 12 (học bạ) THPT là điểm trung bình môn học (có trong tổ hợp xét tuyển), làm tròn đến hai chữ số thập phân.

STT	Tên ngành	Mã ngành	Tỷ lệ xét tuyển/ chỉ tiêu		Tổ hợp môn xét tuyển
			Từ học bạ THPT	Từ kết quả thi Tốt nghiệp THPT 2022	
1	Giáo dục mầm non	51140201	50 %	50%	- M01: Ngữ Văn, Năng khiếu 1 (Đọc, kể diễn cảm), Năng khiếu 2: (Hát) - M09: Toán, Năng khiếu 1 (Đọc, kể diễn cảm), Năng khiếu 2: (Hát)
2	Tiếng Anh	6220206	100%		- C00: Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý - C01: Ngữ Văn, Toán, Vật lý - C20: Ngữ Văn, Địa lí, Giáo dục công dân - D01: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh - A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh - A00: Toán Vật lý, Hóa học - B01: Toán, Sinh học, Lịch sử - B00: Toán, Hóa, Sinh

3	Công nghệ thông tin	6480201	100%		<ul style="list-style-type: none"> - A00: Toán Vật lý, Hóa học - A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh - B00: Toán, Hóa, Sinh học - D01: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh - C01: Ngữ Văn, Toán, Vật lý - C20: Ngữ Văn, Địa lí, Giáo dục công dân
4	Quản trị văn phòng	6340403	100%		<ul style="list-style-type: none"> - C00: Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý - C01: Ngữ Văn, Toán, Vật lý - C20: Ngữ Văn, Địa lí, Giáo dục công dân - D01: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh - A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh - A00: Toán Vật lý, Hóa học - B01: Toán, Sinh học, Lịch sử - B00: Toán, Hóa, Sinh
5	Thư ký văn phòng	6320306	100%		
6	Công tác xã hội	6760101	100%		
7	Hướng dẫn du lịch	6810103	100%		
8	Lưu trữ học	6320203	100%		
9	Thiết kế đồ họa	6210402	100%		
10	Thiết kế thời trang	6540206	100%		<ul style="list-style-type: none"> - C00: Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý - D01: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh - A00: Toán Vật lý, Hóa học - B00: Toán, Hóa, Sinh
11	Quản lý văn hóa	6340436	100%		<ul style="list-style-type: none"> - C00: Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

a) Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

Stt	Mã ngành	Tên ngành	Số văn bản cho phép mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	51140201	Giáo dục mầm non	509	26/01/2006	Bộ GD&ĐT	2006	2021
2	6220206	Tiếng Anh	189	27/6/2017	Bộ LĐTBXH	2015	2019
3	6480201	Công nghệ thông tin	189	27/6/2017	Bộ LĐTBXH	2004	2016
4	6340403	Quản trị văn phòng	189	27/6/2017	Bộ LĐTBXH	2007	2016
5	6320306	Thư ký văn phòng	189	27/6/2017	Bộ LĐTBXH	2007	2014
6	6760101	Công tác xã hội	189	27/6/2017	Bộ LĐTBXH	2004	2020
7	6810103	Hướng dẫn du lịch	189a	28/12/2017	Bộ LĐTBXH	2009	2016
8	6320203	Lưu trữ học	189	27/6/2017	Bộ LĐTBXH	2008	2014
9	6210402	Thiết kế đồ họa	189	27/6/2017	Bộ LĐTBXH	2009	2017
10	6540206	Thiết kế thời trang	189	27/6/2017	Bộ LĐTBXH	2007	2015
11	6340436	Quản lý văn hóa	189	27/6/2017	Bộ LĐTBXH	2008	2014

b) Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành/nhóm ngành/khối ngành tuyển sinh theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

Trình độ	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu		Tổ hợp xét tuyển
			Theo xét KQ thi THPT	Theo phương thức khác	
Cao đẳng	51140201	Giáo dục mầm non	896	897	- M01: Ngữ văn, Năng khiếu 1 (Đọc, kể diễn cảm), Năng khiếu 2: (Hát) - M09: Toán, Năng khiếu 1 (Đọc, kể diễn cảm), Năng khiếu 2: (Hát)
	6220206	Tiếng Anh		200	- C00: Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý - C01: Ngữ Văn, Toán, Vật lý - C20: Ngữ Văn, Địa lí, Giáo dục công dân - D01: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh - A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh - A00: Toán Vật lý, Hóa học - B01: Toán, Sinh học, Lịch Sử - B00: Toán, Hóa, Sinh
	6480201	Công nghệ thông tin		200	- A00: Toán Vật lý, Hóa học - A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh - B00: Toán, Hóa, Sinh học - D01: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh - C01: Ngữ Văn, Toán, Vật lý - C20: Ngữ Văn, Địa lí, Giáo dục công dân
	6340403	Quản trị văn phòng		150	- C00: Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý - C01: Ngữ Văn, Toán, Vật lý - C20: Ngữ Văn, Địa lí, Giáo dục công dân - D01: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh - A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh
	6320306	Thư ký văn phòng		150	
	6760101	Công tác xã hội		100	

6810103	Hướng dẫn du lịch		150	- A00: Toán Vật lý, Hóa học - B01: Toán, Sinh học, Lịch Sử - B00: Toán, Hóa, Sinh
6320203	Lưu trữ học		100	
6210402	Thiết kế đồ họa		200	- C00: Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý - D01: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh
6540206	Thiết kế thời trang		50	- A00: Toán Vật lý, Hóa học - B00: Toán, Hóa, Sinh
6340436	Quản lý văn hóa		100	- C00: Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý

5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT ngành Giáo dục mầm non

- **Thí sinh đăng ký xét tuyển dựa trên kết quả học tập học kỳ 1 lớp 12 THPT:** Thí sinh trúng tuyển phải đảm bảo điều kiện tốt nghiệp THPT có học lực lớp 12 xếp loại khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.
- **Thí sinh đăng ký xét tuyển dựa trên kết quả thi Tốt nghiệp THPT:** Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- **Điểm xét tốt nghiệp được tính như sau:**

a) ĐXTN đối với Giáo dục THPT được tính theo công thức sau:

$$\text{ĐXTN} = \frac{\left(\frac{\text{Tổng điểm 4 bài thi} + \text{Tổng điểm khuyến khích (nếu có)}}{4} \right) \times 7 + \frac{\text{(Điểm trung bình cả năm lớp 12)} \times 3}{10} + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}}$$

b) ĐXTN đối với GDTX được tính theo công thức sau:

$$\text{ĐXTN} = \frac{\left(\frac{\text{Tổng điểm 3 bài thi}}{3} + \frac{\text{Tổng điểm khuyến khích (nếu có)}}{4} \right) \times 7 + \frac{\text{(Điểm trung bình cả năm lớp 12)} \times 3}{10} + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}}$$

Điều kiện nhận ĐKXT:

- Có đủ hồ sơ theo quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định;
- Đối với ngành Giáo dục mầm non thí sinh phải có kết quả thi năng khiếu của Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương hoặc Giấy báo kết quả thi năng khiếu của các trường đại học, cao đẳng công lập khác.
- Điểm trúng tuyển sẽ do Hội đồng tuyển sinh quy định trên cơ sở căn cứ vào số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển theo tỷ lệ và chỉ tiêu tuyển sinh năm 2022.

6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường

a) Tên trường: Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương

b) Mã số trường: **CM1**

c) Mã ngành và tổ hợp xét tuyển:

Mã ngành	Ngành	Tổ hợp xét tuyển
51140201	Giáo dục mầm non	- M01: Ngữ văn, Năng khiếu 1 (Đọc, kể diễn cảm), Năng khiếu 2: (Hát) - M09: Toán, Năng khiếu 1 (Đọc, kể diễn cảm), Năng khiếu 2: (Hát-Nhạc)
6220206	Tiếng Anh	- C00: Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý - C01: Ngữ Văn, Toán, Vật lý - C20: Ngữ Văn, Địa lí, Giáo dục công dân - D01: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh - A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh - A00: Toán Vật lý, Hóa học - B01: Toán, Sinh học, Lịch Sử - B00: Toán, Hóa, Sinh
6480201	Công nghệ thông tin	- A00: Toán Vật lý, Hóa học - A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh - B00: Toán, Hóa, Sinh học - D01: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh - C01: Ngữ Văn, Toán, Vật lý - C20: Ngữ Văn, Địa lí, Giáo dục công dân
6340403	Quản trị văn phòng	- C00: Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý - C01: Ngữ Văn, Toán, Vật lý
6320306	Thư ký văn phòng	- C20: Ngữ Văn, Địa lí, Giáo dục công dân - D01: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh
6760101	Công tác xã hội	- A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh
6810103	Hướng dẫn du lịch	- A00: Toán Vật lý, Hóa học - B01: Toán, Sinh học, Lịch sử
6320203	Lưu trữ học	- B00: Toán, Hóa, Sinh
6210402	Thiết kế đồ họa	- C00: Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý - D01: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh
6540206	Thiết kế thời trang	- A00: Toán Vật lý, Hóa học - B00: Toán, Hóa, Sinh
6340436	Quản lý văn hóa	- C00: Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lý

Các yêu cầu cụ thể sẽ được Trường quy định và thông báo qua Thông báo tuyển sinh, cập nhật trên Website của Trường.

d) Chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp: không có

đ) Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển ngành giáo dục mầm non và các ngành thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp: Không có quy định riêng

e) Hồ sơ đăng ký xét tuyển

(1) Phiếu đăng ký xét tuyển cao đẳng chính qui theo mẫu của Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương (*sử dụng đối với phương thức xét theo kết quả học tập lớp 12 ở THPT, sử dụng cho các đợt tuyển sinh nguyện vọng bổ sung theo điểm thi tốt nghiệp THPT*) - Xem tại Phụ lục 02, 03 kèm theo.

(2) Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời.

(3) Bản sao công chứng Phiếu điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2022 (*bắt buộc nếu xét theo điểm thi tốt nghiệp THPT, dùng để xét điều kiện đầu vào nếu xét theo kết quả học tập ở THPT*).

(4) Bản sao công chứng Học bạ trung học phổ thông (*Xét theo kết quả học tập ở THPT*).

(5) Bản chính Phiếu báo kết quả thi năng khiếu (*của trường khác nếu có*).

(6) Giấy chứng nhận ưu tiên (*nếu có*).

(7) 02 ảnh cỡ 3x4cm chụp trong vòng 6 tháng.

(8) Lệ phí xét tuyển (dự kiến): 25.000đ/nguyện vọng.

7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển; tổ hợp bài thi/môn thi đối với từng ngành đào tạo

- *Thời gian nhận đăng ký xét tuyển:*

+ Đối với phương thức xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2022: Theo qui định của Bộ GDĐT dự kiến từ ngày 27/4/2022 đến 30/10/2022;

+ Đối với phương thức xét tuyển theo kết quả học tập học kỳ 1 lớp 12 ở THPT năm 2022: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT năm 2021 trở về trước, thời gian nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày 15/02/2022; Thí sinh chưa tốt nghiệp THPT đăng ký xét tuyển trong khoảng thời gian dự kiến từ ngày 15/3/2022 đến hết 30/10/2022;

+ Các đợt tuyển sinh nguyện vọng bổ sung theo thông báo cụ thể được đăng trên trang thông tin tuyển sinh của trường.

- *Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển*

Thí sinh có thể chọn các hình thức đăng ký sau:

+ Đăng ký trực tuyến trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*chỉ sử dụng với hình thức xét tuyển sử dụng điểm thi tốt nghiệp THPT*).

+ Nộp trực tiếp: Phòng Quản lý đào tạo; địa chỉ: Phòng 104,106 nhà A hoặc Văn phòng Tuyển sinh Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương, số 387 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội (*trừ đợt xét tuyển nguyện vọng 1 với phương thức xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT*).

+ Nộp qua bưu điện: Địa chỉ nhận hồ sơ: Phòng Quản lý Đào tạo, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương, số 387 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội.

+ Nộp trực tuyến: Truy cập vào website: cdsptw.edu.vn, khai các thông tin và đính kèm bản scan hồ sơ, chuyển lệ phí xét tuyển đến số tài khoản:

22010000455737, ngân hàng BIDV, chủ tài khoản: Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương.

Thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học dự kiến theo thời gian quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phải nộp bản gốc giấy chứng nhận kết quả thi THPT năm 2022. Hết thời hạn xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và trường dành chỉ tiêu cho thí sinh khác trong đợt xét tuyển tiếp theo.

- *Tổ hợp môn xét tuyển và thi xem tại mục 6.a*

- *Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ*

Địa chỉ nhận hồ sơ: Phòng Quản lý Đào tạo, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương, số 387 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội. Điện thoại: 0243.756.5209 (Phòng 104); 0243.756.2670 (Phòng 106), Hotline: 037.730.1818; 037.730.2828.

8. Chính sách ưu tiên: xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển

- Thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Thí sinh thuộc diện ưu tiên (khu vực, đối tượng) được cộng điểm ưu tiên theo mức điểm được hưởng vào tổng điểm chung để xét tuyển. Hồ sơ hưởng ưu tiên theo đối tượng theo qui định của Bộ GDĐT.

9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

- Lệ phí thi năng khiếu (dự kiến): 300.000đ/thí sinh/đợt.

- Lệ phí xét tuyển (dự kiến): 25.000đ/thí sinh/nguyện vọng.

10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy

Mức thu học phí (tạm tính trên cơ sở Nghị định số 81/2021/NĐ-CP):

+ Theo tháng: 980.000.000 đồng/sinh viên/tháng;

+ Theo tín chỉ: 310.000 đồng/tín chỉ.

11. Các nội dung khác

a) Đăng kí thi năng khiếu

- Hồ sơ đăng ký thi năng khiếu gồm:

+ Đơn đăng ký dự thi năng khiếu (xem phụ lục 03,04).

+ Bản sao Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân (*không cần công chứng nếu có bản gốc đối chiếu*)

+ 02 ảnh cỡ 3cm x 4cm chụp trong vòng 6 tháng.

- Lệ phí thi năng khiếu: theo qui định chung của liên Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo, dự kiến: 300.000đ/thí sinh/đợt thi.

b) Địa điểm nộp hồ sơ đăng kí dự thi năng khiếu

Địa chỉ nhận hồ sơ: Phòng Quản lý Đào tạo, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương, số 387 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội. Điện thoại: 0243.756.5209 (Phòng 104); 0243.756.2670 (Phòng 106), Hotline: 037.730.1818; 037.730.2828.

c) Thời gian thi năng khiếu (dự kiến) và thời gian xét tuyển

- Thời gian thi năng khiếu (dự kiến)
- + Đợt 1: Từ ngày 15/5 - 30/5/2022
- + Đợt 2: Từ ngày 15/6 - 30/6/2022
- + Đợt 3: Từ ngày 15/7 - 30/7/2022
- + Đợt 4: Từ ngày 15/8 - 30/8/2022
- + Đợt 5: Từ ngày 15/9 - 30/9/2022

Lịch thi năng khiếu có thể được điều chỉnh theo kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và số lượng thí sinh đăng ký/trúng tuyển của các đợt. Lịch thi năng khiếu từng đợt có thông báo riêng và công bố trên trang thông tin điện tử của Nhà trường. Các đợt thi năng khiếu tiếp theo (nếu còn chỉ tiêu), thi trước ngày 30 tháng 10 năm 2022.

Thí sinh dự thi được cấp Giấy báo kết quả thi năng khiếu để sử dụng trong xét tuyển, có giá trị ngang nhau trong các đợt xét tuyển vào trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non năm 2022.

- Thời gian xét tuyển (dự kiến)
- + Phương thức xét tuyển học bạ:

Đợt 1 từ ngày 05/8 - 10/8/2022, công bố kết quả ngày 12/8/2022;

Đợt 2 từ ngày 05/9 - 10/9/2022, công bố kết quả ngày 15/9/2022;

Các đợt tiếp theo sẽ thực hiện trong tháng 10/2022 (nếu Trường còn thiếu chỉ tiêu).

- + Phương thức xét tuyển theo điểm thi THPT: theo quy định của Bộ.

d) Nội dung và hình thức thi năng khiếu

- Nội dung thi:

+ Nội dung thi năng khiếu ngành Giáo dục mầm non theo tổ hợp M01 và M09 bao gồm Đọc - kể diễn cảm và Hát được chấm theo thang điểm 10, cụ thể như sau:

* Nội dung Đọc - kể diễn cảm (10 điểm): Thí sinh đọc diễn cảm một câu chuyện theo đề thi rút thăm được. Sau khi đọc xong, thí sinh tự chọn và kể diễn cảm lại một tình tiết hay một sự kiện trong truyện.

* Nội dung Hát (10 điểm): Thí sinh trình bày một bài hát đã được chuẩn bị trước, viết cho lứa tuổi thanh thiếu niên trở lên, không hát các bài hát dành cho lứa tuổi mầm non. Yêu cầu: hát chính xác giai điệu, lời ca và tính chất âm nhạc của bài.

- Hình thức thi:

+ Không trực tiếp (khi không thể thực hiện được thi trực tiếp): Thí sinh quay 02 video clip đối với môn thi năng khiếu nộp về Trường qua đường link nộp bài. Nhà trường sẽ có hướng dẫn và thông báo cụ thể trên website của Trường.

+ Thi trực tiếp: Thí sinh thực hiện 02 bài thi năng khiếu trực tiếp tại trường.

đ) Công nhận điểm thi năng khiếu tương đương

Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương công nhận điểm các môn thi năng khiếu tương đương nếu thí sinh đã dự thi và có kết quả năm 2022 tại các trường đại học, cao đẳng công lập trên toàn quốc. Để sử dụng điểm thi năng khiếu tại các trường khác khi xét tuyển, thí sinh cần bổ sung vào hồ sơ dự tuyển Giấy báo

kết quả thi năng khiếu (bản gốc, có đóng dấu của Hội đồng tuyển sinh trường đã dự thi), trên đó ghi rõ tên môn thi và điểm thi năng khiếu.

Các môn thi năng khiếu tại các trường đại học, cao đẳng khác được công nhận:

Stt	Các môn thi năng khiếu tương đương tại trường ĐH, CĐ công lập khác	Tổ hợp	Cách qui đổi
1	Kể chuyện - Đọc diễn cảm; Hát	M01	Chuyển điểm tương đương
2	Kể chuyện - Đọc diễn cảm; Hát	M09	Chuyển điểm tương đương

Với những môn thi năng khiếu có tên gọi khác chưa được liệt kê trong bảng trên, Hội đồng tuyển sinh trường sẽ dựa trên nội dung thi theo công bố của Trường tổ chức thi để quyết định công nhận tương đương.

e) Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm 2022

- Tuyển sinh bổ sung đợt 1: Tháng 10 năm 2022

- Tuyển sinh bổ sung đợt 2: Tháng 11 hoặc tháng 12 năm 2022

12. Tình hình việc làm (thống kê cho 3 khóa tốt nghiệp gần nhất)

a) Khóa 2016-2019

Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Tỷ lệ có việc làm	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Nhóm ngành đào tạo GV	-	1950	-	701	-	673	-	98,8%

b) Khóa 2017-2020

Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Tỷ lệ có việc làm	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Nhóm ngành đào tạo giáo viên	-	1600	-	654	-	592	-	97,8%

b) Khóa 2018-2021

Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Tỷ lệ có việc làm	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Nhóm ngành đào tạo giáo viên	-	1700	-	578	-	532	-	-

13. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường 2021: 110.270.326.000đ

Trong đó: Ngân sách nhà nước cấp: 94.702.000.000đ

Nguồn thu của trường (Học phí, lệ phí, các khoản thu khác): 15.568.326.000đ

- Chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh với nhóm ngành khoa học xã hội:

+ Trình độ Cao đẳng: 7.800.000đ/sinh viên/năm.

14. Tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non, hình thức đào tạo vừa làm vừa học

- Chỉ tiêu dự kiến: 900
- Mã ngành, khối thi

Mã ngành	Ngành	Tổ hợp xét tuyển
51140201	Giáo dục mầm non	- M01: Ngữ văn, Năng khiếu 1 (Đọc, kể diễn cảm), Năng khiếu 2: (Hát) - M09: Toán, Năng khiếu 1 (Đọc, kể diễn cảm), Năng khiếu 2: (Hát-Nhạc)

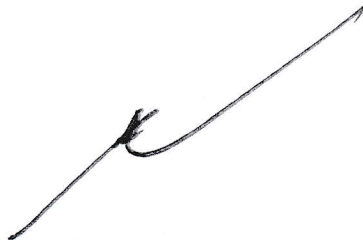
- Điều kiện xét tuyển: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

15. Tuyển sinh liên thông trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non, hình thức đào tạo vừa làm vừa học

- a) Đối tượng: Người tốt nghiệp trình độ trung cấp sư phạm mầm non
- b) Phương thức tuyển sinh: Theo văn bản đề nghị và hợp đồng đặt hàng đào tạo cụ thể của các địa phương, đơn vị.
- b) Thông tin

Mã ngành	Tên ngành	Xét tuyển
51140201_2	Giáo dục Mầm non	Điểm TBC học tập TCSPMN

CÁN BỘ KÊ KHAI



Phạm Văn Hảo

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**



**HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS Trần Đình Tuấn**